

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2021

V/v: Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Cà Nguyễn Duyên**

2. Ông **Nguyễn Văn Huyền**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lục Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Dịu** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX- ST ngày 20 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lý Minh T**, sinh năm 1985; có mặt

Hiện đang công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Chị **Triệu Thị L**, sinh năm 1987; vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty trách nhiệm hữu hạn thực phẩm Hương Lý, thành phố N, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 10/02/2020 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn Anh Lý Minh T trình bày:***

Về hôn nhân: Anh Lý Minh T kết hôn với chị Triệu Thị L từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi

kết hôn thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 mới xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là chị L có quan hệ ngoài luồng, mặc dù anh T đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ anh không thay đổi và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, đến ngày 01/6/2018 hai vợ chồng chính thức ly thân, tháng 9/2019 chị L đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan, mặc dù khi đó anh có ngăn cản không cho chị L đi xuất khẩu lao động bởi vì anh đang công tác trong quân đội, tuy nhiên chị L vẫn cố tình đi. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy anh làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Lưu có một con chung là cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 22/11/2011. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị gái chị Lưu là bà Triệu Thị T – thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nay ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại văn bản nêu ý kiến của bị đơn chị Triệu Thị L trình bày:***

Về tình cảm: Thời gian kết hôn cùng thống nhất như anh T trình bày, lý do mâu thuẫn vợ chồng là không đúng bởi vì: Trước khi chị đi xuất khẩu lao động hai vợ chồng vẫn hạnh phúc không có gì mâu thuẫn, do kiện kinh tế khó khăn gia đình phải vay tiền Ngân hàng để cho anh T xin chuyển công tác về địa phương gần vợ con, nhưng anh T không xin được về và tiền lại mất rất nhiều nên hai vợ chồng bàn bạc để cho chị đi xuất khẩu lao động kiếm tiền trả nợ. Tháng 11/2019 chị sang Đài Loan xuất khẩu lao động, từ ngày đó chị vẫn thường xuyên gọi điện về cho anh T hỏi thăm và bảo anh T được nghỉ thì về thăm con nhưng anh T lấy lý do đơn vị không được nghỉ nên không thể về thăm con, tiền cũng không gửi về để nuôi con. Trước khi đi xuất khẩu hai vợ chồng chị đã gửi con cho chị gái chăm sóc con hộ, và chị thấy con nói anh T chỉ thỉnh thoảng gọi điện cho con. Sau khi chị đi được một năm anh T cũng không về thăm con lần nào và cũng không gửi tiền thăm con. Đến ngày 03/9/2020, chị mới biết anh T chồng chị dẫn một người phụ nữ khác về ở với nhau chung sống như vợ chồng và hiện nay hai người đã có 1 con chung trong khi đó chị vẫn ở bên Đài Loan kiếm tiền để trả nợ.

Nay chị đang sinh sống tại Đài Loan và cũng chưa hết hợp đồng để về nước giải quyết việc ly hôn được và chị cũng không nhất trí việc ly hôn vì hiện tại hai vợ chồng còn nhiều vướng mắc chưa thể giải quyết được, chị xin Tòa án có thể tạm hoãn đợi chị về nước rồi mới giải quyết việc ly hôn của chị với anh Tuấn.

Về con: Có một con là cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 22/10/2011 hiện nay cháu Đ đang sinh sống với chị gái của chị là bà Triệu Thị T. Chị không nhất trí yêu cầu của anh T trực tiếp nuôi con vì cháu Đ từ nhỏ sinh ra ở với mẹ và toàn

bên ngoại chăm sóc, anh T do đặc thù công việc nên con cũng không theo bố và có thái độ sợ bố.

Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động anh T gửi tiền về nuôi con được tổng số 1.900.000^d (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*) còn lại hàng tháng đều do chị gửi về chu cấp nuôi cháu.

Về tài sản: Hai vợ chồng không có tài sản chung.

Tài sản riêng: 02 chiếc xe máy mang BKS 97-B1-35311 và 97-B173848 đều mang tên chị Triệu Thị L hiện nay cả 2 xe anh T đang quản lý sở hữu và số tiền 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền bảo hiểm của chị khi đi chị có viết giấy ủy quyền cho anh T rút hộ về để trả nợ vay đi Đài Loan, nhưng anh T rút về không trả nợ mà đã cầm hết số tiền trên. Nay chị yêu cầu anh T trả lại chiếc xe máy quy ra bằng tiền trả cho chị và trả lại 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền bảo hiểm cho chị.

Về nợ chung: Chị và anh Tuấn có vay của chị gái bên ngoại của chị tổng số tiền là 80.000.000^d (*Tám mươi triệu đồng*) (chị gái đã lấy sổ đỏ để thế chấp ngân hàng vay tiền cho chị) anh T không gửi tiền về trả nợ cho chị. Hiện nay chị đã trả được một nửa số nợ còn 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*) chị yêu cầu anh T trả nợ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị T trình bày:**

Bà là chị gái ruột của chị L, vợ chồng chị L anh T kết hôn năm 2011, anh T công tác ở đơn vị bộ đội trung đoàn 246, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, chị L làm công nhân ở C. Về tình cảm vợ chồng thì không hòa thuận lắm vì anh T hay ghen tuông.

Chị L đi xuất khẩu lao động năm 2018. Trước khi đi có gửi cháu Lý Minh Đ cho bà nuôi dưỡng và chăm sóc, lúc gửi cháu Đ thì anh T bố cháu có gọi điện về nhờ bà nuôi dưỡng, ở với bà thì cháu Đ được chăm sóc đầy đủ, được đến trường đi học, kết quả học tập cũng đạt loại tốt, thể chất tinh thần, vui vẻ thoải mái.

Trong thời gian cháu Đ ở với bà anh T không chu cấp gửi tiền cho bà nuôi cháu Đ, chỉ có 1 lần cháu Đ bị chó cắn bà đưa cháu xuống Thái nguyên tìm thì anh Tuấn có đưa cho bà 900.000^d (chín trăm nghìn đồng) và 1 lần đưa 1.000.000^d (một triệu đồng), từ khi anh chị gửi con với bà anh T có lên thăm con đúng 1 lần, ngoài ra tiền ăn học, sinh hoạt đều do mẹ cháu từ nước ngoài gửi về chuyển vào tài khoản của bà 3 tháng 1 lần để cho cháu và tiền trả nợ trước làm thủ tục đi xuất khẩu.

*** Lãnh đạo Ban chỉ huy Quân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn có ý kiến:**

Anh T chuyển công tác về đơn vị Ban chỉ huy Quân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn từ ngày 01/7/2021. Với công việc hiện tại của anh T vẫn đảm bảo có đủ thời gian để chăm sóc con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh Tuấn được ly hôn với chị L và giao con cho anh T trực tiếp nuôi con thì đơn vị sẽ tạo mọi điều

kiện tốt nhất để anh T làm tốt vai trò, trách nhiệm với con và công việc tại cơ quan, đơn vị.

Thu nhập hàng tháng của đồng chí Lý Minh T là: 12.166.000^d (*Mười hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*)

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và người tham gia tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết cho anh Lý Minh T được ly hôn với chị Triệu Thị L.

Về con chung: Giao cháu Lý Minh Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Xét thấy vấn đề về tài sản chung, nợ chung của anh T và chị L còn chưa thống nhất, hiện nay chị L chưa về Việt Nam để giải quyết nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần tách phần chia tài sản chung, nợ chung để các đương sự yêu cầu giải quyết sau ly hôn bằng một vụ án dân sự khác nếu các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có bị đơn là chị Triệu Thị L hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Đài Loan). Do vậy theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 469, 470 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và Tòa án giải quyết là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, chị L đã nhận được kết quả tổng đạt và chị L đã gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về việc giải quyết vụ án và giấy ủy quyền cho bà Triệu Thị T nhận thay các giấy tờ tài liệu của Tòa án gửi. Tuy nhiên, các giấy tờ của chị L gửi từ Đài Loan về chưa được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn thực hiện việc giám định chữ ký trong văn bản ý kiến và giấy ủy quyền nhận văn bản tố tụng mà chị L gửi về từ Đài Loan. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn đã kết luận: Chữ ký “L” và các chữ viết Triệu Thị L tại “Văn bản về

việc cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn” (tài liệu cần giám định chữ ký A1) và trên giấy ủy quyền (tài liệu cần giám định chữ ký A2) với chữ ký “ L” và các chữ viết “Triệu Thị L” dưới mục “Người đề nghị và “ NGƯỜI KHAI BÁO” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký viết ra.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã hoãn phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử.

[3] Về hôn nhân: Anh Lý Minh T và chị Triệu Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Xác định hôn nhân giữa anh Lý Minh T và chị Triệu Thị L là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn mấy năm đầu thì hạnh phúc, đến năm 2014 mới xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh T thì cho rằng chị L có quan hệ ngoài luồng mặc dù anh và gia đình cũng khuyên bảo nhiều lần chị Lưu không thay đổi và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau đến ngày 01/6/2018 hai vợ chồng chính thức ly thân, tháng 9/2019 chị L đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn. Chị L thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chị mới đi xuất khẩu lao động, khi đi vợ chồng có sự bàn bạc, nay anh T xin ly hôn thì chị không nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng một phần do vướng mắc về kinh tế và phần nữa là do giữa hai người chưa thật sự tin tưởng nhau hay ghen tuông nghi ngờ lẫn nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã rồi đi đến ly thân nhau. Chị L đi xuất khẩu lao động từ tháng 9/2019 vợ chồng xa nhau nhưng cũng không thường xuyên liên lạc với nhau. Nhiều khi anh T gọi điện liên lạc với chị nhưng đều bị chị từ chối (chặn zalo, Facebook của anh T) và đã lâu cả hai người không còn thông tin liên lạc với nhau, cũng không còn quan tâm, thăm hỏi, chia sẻ đến cuộc sống của nhau nữa. Tại lời khai của bà T chị gái của chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng anh T và chị Lưu không hòa thuận lắm, vì anh T hay ghen tuông. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên ý kiến được ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị L.

[4] Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 22/11/2011. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị gái của chị Lưu là bà Triệu Thị Tt. Ly hôn anh T và chị L đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên,

việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, chị Lưu hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Đài Loan), do vậy việc trực tiếp nuôi dưỡng con là không thể thực hiện được, đối với anh T thời điểm trước đây khi chị L xin đi xuất khẩu lao động thì anh Tuấn đóng quân tại Trung đoàn 246 thuộc huyện P, tỉnh Thái Nguyên, do tính chất công việc không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên đã đồng ý gửi con cho bà T nuôi cháu Đ. Nay anh T đã chuyển công tác về Ban chỉ huy quân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên có thời gian và thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc giáo dục con. Tại ý kiến của lãnh đạo đơn vị nơi anh T công tác có ý kiến đơn vị sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất để anh T làm tốt vai trò, trách nhiệm với con và công việc tại cơ quan, đơn vị. Do vậy, xét thấy cần thiết giao cháu Lý Minh Đ cho anh Lý Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[5] Anh T không yêu cầu chị L phải đóng góp nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với chị L.

[6] Về tài sản: Chị L khai: 02 chiếc xe máy mang BKS 97-B1-35311 và 97-B173848 đều mang tên chị Triệu Thị L hiện nay cả 2 xe anh T đang quản lý sở hữu và số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) tiền bảo hiểm của chị khi đi chị có viết giấy ủy quyền cho anh T rút hộ về để trả nợ vay đi Đài Loan, nhưng anh T rút về không trả nợ mà đã cầm hết số tiền trên. Nay chị xác định toàn bộ số tài sản trên là tài sản riêng của chị. Ly hôn chị yêu cầu anh T trả lại chiếc xe máy quy ra bằng tiền trả cho chị và trả lại 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) tiền bảo hiểm cho chị.

Anh T cũng thừa nhận hiện nay anh đang quản lý, sử dụng hai chiếc xe máy trên và giữ số tiền bảo hiểm của chị L và nhất trí khi nào chị L về nước anh sẽ trả lại. Tuy nhiên đối với chiếc xe máy 97-B173848 Anh T cho rằng chiếc xe mua trong thời kỳ hôn nhân, đăng ký tên chị L nhưng lúc mua anh là người trả tiền trước một phần, sau đó hàng tháng anh là người trả góp số tiền còn lại, do đó anh xác định đây là tài sản chung nên không nhất trí trả toàn bộ giá trị chiếc xe cho chị L.

[8] Về khoản nợ chung:

Chị L khai chị và anh T có vay của chị gái bên ngoại của chị tổng số tiền là 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*) để chị gái lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp ngân hàng vay tiền cho chị đi nước ngoài. Hiện nay chị đã trả được một nửa số nợ còn 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) chị yêu cầu anh T trả nợ.

Anh T khẳng định anh không được vay tiền và cũng không biết vay khi nào nên anh không nhất trí đối với yêu cầu này.

Xét thấy, đối với phần tài sản và khoản nợ anh T và chị L chưa thống nhất, hiện nay chị L chưa về Việt Nam để tham gia giải quyết. Vì vậy, để đảm

bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tách phần tài sản và khoản nợ để giải quyết sau khi ly hôn bằng một vụ án khác nếu như các bên có yêu cầu.

[9] Về chi phí tố tụng: Anh Lý Minh T tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí giám định và chi phí ủy thác tư pháp.

[10] Về án phí: Anh Lý Minh T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 37, Điều 467, 470, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 467, 470 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Minh T được ly hôn với chị Triệu Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 22/11/2011 cho anh Lý Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi trưởng thành. Chị Triệu Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Triệu Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lý Minh T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp đủ số tiền trên theo biên lai thu số 02029 ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Bắc Kạn.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Lý Minh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng bao gồm:

Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài với số tiền 653.517đ (*Sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm mười bảy đồng*) và Chi phí giám định với số tiền là 7.290.000đ (*Bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

Xác nhận anh T đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp theo biên lai thu số 02062 ngày 10/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn và tiền chi phí giám định theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 07/8/2020 và ngày 13/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn,

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2);
- Các đương sự (3);
- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- THADS (1);
- Phòng KTNV (1);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Lưu HCTP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hường